



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

*Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến 30/06/2021  
đã được soát xét*

---



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 - 5
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 23



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 106410 ngày 05/04/1997. Từ ngày 09/04/2010, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400112625 ngày 17/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17/06/2020.

Vốn điều lệ của công ty là: 30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng).

Trụ sở hoạt động: Số 2, Đường Quang Trung, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, phát hành các loại hình xổ số kiến thiết;
- Cho thuê ki ốt, văn phòng làm việc.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Quốc Hoàn	Chủ tịch Công ty

### **BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hồng Sơn	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhượng	Kế toán trưởng
Bà Hoàng Thị Thúy Nga	Phó Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty.



## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Bắc Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2021*

**Thay mặt Công ty**

**Giám đốc**



**Phạm Hồng Sơn**



Số: 50/2021/BCTC-PNT

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bắc Giang, được lập ngày 19/07/2021 từ trang 5 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT**

**Phó giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Dũng**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2000-2018-136-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.235.175.639</b>	<b>45.183.601.986</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.882.628.098</b>	<b>2.483.784.136</b>
1. Tiền	111		2.882.628.098	2.483.784.136
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>38.211.447.000</b>	<b>40.857.347.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38.211.447.000	40.857.347.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>659.360.236</b>	<b>722.414.181</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		683.773.700	694.191.300
2. Trả trước cho người bán	132			63.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	184.352.616	175.988.961
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(208.766.080)	(210.766.080)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>297.671.211</b>	<b>255.864.377</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	297.671.211	255.864.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.184.069.094</b>	<b>864.192.292</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		709.037.534	349.111.700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.522.456	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	275.511.104	381.058.592
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		196.998.000	134.022.000



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.907.244.360</b>	<b>6.925.475.698</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.655.748.760</b>	<b>6.663.715.298</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	6.599.082.160	3.403.728.025
- Nguyên giá	222		14.456.600.223	10.936.975.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.857.518.063)	(7.533.247.411)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	56.666.600	
- Nguyên giá	228		354.685.500	294.685.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(298.018.900)	(294.685.500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8		3.259.987.273
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>251.495.600</b>	<b>261.760.400</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	251.495.600	261.760.400
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>50.142.419.999</b>	<b>52.109.077.684</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.755.865.609</b>	<b>20.039.315.823</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.434.243.055</b>	<b>18.745.834.264</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		212.773.200	164.080.000
3. Người mua trả tiền trước	313		262.917.400	309.206.300
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	863.213.734	1.997.553.289
5. Phải trả người lao động	315		2.411.819.055	3.085.845.400
6. Chi phí phải trả	316	V.11	161.210.000	265.305.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	585.761.652	731.277.961
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			540.128.300
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321		11.368.071.000	10.393.071.000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		568.477.014	1.259.367.014
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.321.622.554</b>	<b>1.293.481.559</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	1.307.077.100	1.276.838.200
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		14.545.454	16.643.359
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.386.554.390</b>	<b>32.069.761.861</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>32.386.554.390</b>	<b>32.069.761.861</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.113.926.075	27.423.118.371
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		886.073.925	886.073.925
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			1.690.807.704
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.386.554.390	2.069.761.861
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>50.142.419.999</b>	<b>52.109.077.684</b>

## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Vé số nhận bán hộ	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		101.799.113	101.799.113
5. Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng	005			
6. Tài sản giấy tờ có giá nhận thế chấp	006			
7. Ngoại tệ các loại	007			
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết	008		969.630.000	589.155.000

**Ghi chú:** Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Bắc Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch Công ty



Nguyễn Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Nhung

Phạm Hồng Sơn

Vũ Quốc Hoàn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>47.250.755.538</b>	<b>45.401.991.520</b>
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		47.118.643.638	45.156.681.821
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		13.905.936.365	13.212.263.636
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2		212.104.545	420.054.546
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		90.570.909	90.818.182
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		32.910.031.819	31.433.545.457
1.1.5. Xổ số điện toán	01.1.5			
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		132.111.900	245.309.699
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>VI.2</b>	<b>6.145.910.039</b>	<b>5.890.001.978</b>
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		6.145.910.039	5.890.001.978
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		1.813.817.786	1.723.338.735
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2		27.665.810	54.789.723
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		11.813.597	11.845.850
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		4.292.612.846	4.100.027.670
2.1.5. Xổ số điện toán	02.1.5			
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2			
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>41.104.845.499</b>	<b>39.511.989.542</b>
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		40.972.733.599	39.266.679.843
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		12.092.118.579	11.488.924.901
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2		184.438.735	365.264.823
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		78.757.312	78.972.332
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		28.617.418.973	27.333.517.787
3.1.5. Xổ số điện toán	10.1.5			
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		132.111.900	245.309.699
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.4</b>	<b>36.842.083.907</b>	<b>36.060.779.098</b>
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		36.835.783.907	36.050.779.098
4.1.1. Chi phí trả thường	11.1.1		25.663.496.058	25.828.882.929
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		11.172.287.849	10.221.896.169
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		6.300.000	10.000.000



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

*Bảng cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.262.761.592	3.451.210.444
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		4.136.949.692	3.215.900.745
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		125.811.900	235.309.699
6. Doanh thu tài chính	21	VI.5	994.901.429	869.871.154
7. Chi phí tài chính	22	VI.6		11.100
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			11.100
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.930.180.086	4.401.707.164
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>327.482.935</b>	<b>(80.636.666)</b>
11. Thu nhập khác	31		193.507.727	180.584.818
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		193.507.727	180.584.818
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>520.990.662</b>	<b>99.948.152</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	104.198.133	80.758.655
16. Thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>416.792.529</b>	<b>19.189.497</b>

Bắc Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhượng

Giám đốc




Phạm Hồng Sơn

Chủ tịch Công ty

Vũ Quốc Hoàn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		520.990.662	99.948.152
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		327.604.052	356.353.200
- Các khoản dự phòng	03		432.871.700	843.357.400
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(994.901.429)	(869.871.154)
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		286.564.985	429.787.598
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		904.844	22.615.240
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(41.806.834)	37.277.218
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(2.098.485.161)	(824.012.514)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(349.661.034)	(639.698.775)
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(433.175.711)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.920.000	2.980.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(802.810.000)	(914.055.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.993.373.200)	(2.318.282.622)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(248.584.267)	(1.665.675.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.538.100.000)	(10.033.443.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.184.000.000	14.740.475.206
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		994.901.429	869.871.154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.392.217.162	3.911.227.905

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>398.843.962</b>	<b>1.592.945.283</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.483.784.136</b>	<b>1.086.961.344</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>2.882.628.098</b>	<b>2.679.906.627</b>

Bắc Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch Công ty






Nguyễn Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Nhung

Phạm Hồng Sơn

Vũ Quốc Hoàn



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến 30/06/2021*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 106410 ngày 05/04/1997. Từ ngày 09/04/2010, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400112625 ngày 17/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17/06/2020.

Trụ sở hoạt động: Số 2, đường Quang Trung, phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh, phát hành các loại xổ số và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh, phát hành các loại hình xổ số kiến thiết;
- Cho thuê ki ốt, văn phòng làm việc.

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết. Theo đó, Công ty đã phân loại lại các tài khoản theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và lập Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính theo mẫu biểu hướng dẫn tại Thông tư số 168/2009/TT-BTC.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.



#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến 30/06/2021.

##### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, được coi là: “tương đương tiền”;
- Có thời hạn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh, được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh, được phân loại là tài sản dài hạn.

##### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc                      15 năm
- Máy móc, thiết bị                              03 năm
- Phương tiện vận tải                          06 - 10 năm

##### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay.

**9. Phân phối các quỹ**

Lợi nhuận của Công ty được phân phối theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Theo đó, các quỹ được phân phối như sau:

a) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp.

Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.





Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí trả lãi vay đối với các khoản ký quỹ đại lý xổ số.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả thưởng**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trả thưởng gồm:

- Chi phí trả thưởng do công ty trả thưởng trực tiếp cho người trúng thưởng;
- Chi phí trả thưởng qua đại lý được ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng;
- Chi phí trả thưởng các giải của vé xổ số liên kết nhận phân bổ theo quy định của Hội đồng xổ số miền Bắc (theo quy định chung của Hội đồng xổ số Miền Bắc).

Các khoản trên được ghi nhận theo số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng trong kỳ.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trực tiếp phát hành xổ số**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trực tiếp phát hành xổ số gồm:

- Chi phí cho các đại lý;
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
- Chi phí chống số đề;
- Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Chi phí về vé xổ số;
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng;
- Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực;
- Chi phí trực tiếp phát hành khác.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Tiền	2.882.628.098	2.483.784.136
+ Tiền mặt tại quỹ	447.213.560	973.024.100
+ Tiền gửi ngân hàng	2.435.414.538	1.510.760.036
<b>Cộng</b>	<b><u>2.882.628.098</u></b>	<b><u>2.483.784.136</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng	38.211.447.000	40.857.347.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang	4.600.000.000	4.600.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - Chi nhánh Bắc Giang	5.386.000.000	7.258.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bắc Giang	700.000.000	700.000.000
+ Bưu điện tỉnh Bắc Giang	1.384.045.000	1.384.045.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương tỉnh Bắc Giang	1.500.000.000	2.397.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM tỉnh Bắc Giang	4.535.000.000	2.885.000.000
+ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	3.369.100.000	3.296.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bắc Giang II (PGD 11)	2.756.000.000	2.756.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Yên Dũng	3.432.096.500	3.932.096.500
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN TP Bắc Giang	3.095.000.000	3.095.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bắc Giang II (PGD Thọ Xương)	3.223.205.500	3.223.205.500
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Khu công nghiệp Đình Trám		1.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Bắc Giang	1.111.000.000	1.111.000.000
+ Ngân hàng CoopBank Bắc Giang	3.120.000.000	3.120.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>38.211.447.000</u></b>	<b><u>40.857.347.000</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Phải thu ngắn hạn khác	184.352.616	175.988.961
+ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ đô	160.622.881	160.622.881
+ Phải thu khác	23.729.735	15.366.080
<b>Cộng</b>	<b><u>184.352.616</u></b>	<b><u>175.988.961</u></b>

**4. Hàng tồn kho**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Công cụ, dụng cụ	13.265.300	15.725.300
- Hàng hoá	22.880.000	9.400.000
- Vé xổ số	261.525.911	230.739.077
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>297.671.211</u></b>	<b><u>255.864.377</u></b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**5. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	275.511.104	379.709.237
- Tiền thuế đất nộp thừa		1.349.355
<b>Cộng</b>	<b><u>275.511.104</u></b>	<b><u>381.058.592</u></b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (trang 19)**

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	294.685.500	294.685.500
- Mua trong kỳ	60.000.000	60.000.000
Số dư cuối kỳ	354.685.500	354.685.500
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	(294.685.500)	(294.685.500)
- Số khấu hao trong kỳ	(3.333.400)	(3.333.400)
Số dư cuối kỳ	(298.018.900)	(298.018.900)
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	56.666.600	56.666.600

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 294.685.500 VND

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.259.987.273
+ Sửa chữa trụ sở văn phòng Công ty và Chi nhánh Xổ số kiến thiết Tân Yên		3.259.987.273
<b>Cộng</b>		<b><u>3.259.987.273</u></b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Chi phí thuê văn phòng huyện Sơn Động	251.495.600	261.760.400
<b>Cộng</b>	<b><u>251.495.600</u></b>	<b><u>261.760.400</u></b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Thuế GTGT	364.070.651	837.916.332
- Thuế TTĐB	499.143.083	1.159.636.957
<b>Cộng</b>	<b><u>863.213.734</u></b>	<b><u>1.997.553.289</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021  
*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	8.128.966.102	466.855.455	2.254.718.879	86.435.000	10.936.975.436
- Mua trong kỳ					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.519.624.787				3.519.624.787
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	11.648.590.889	466.855.455	2.254.718.879	86.435.000	14.456.600.223
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	(5.344.916.517)	(457.667.455)	(1.676.739.061)	(53.924.378)	(7.533.247.411)
- Số khấu hao trong kỳ	(198.806.400)	(9.188.000)	(111.631.800)	(4.644.452)	(324.270.652)
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	(5.543.722.917)	(466.855.455)	(1.788.370.861)	(58.568.830)	(7.857.518.063)
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu kỳ	2.784.049.585	9.188.000	577.979.818	32.510.622	3.403.728.025
2. Tại ngày cuối kỳ	6.104.867.972	-	466.348.018	27.866.170	6.599.082.160

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.677.466.295 VND.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**11. Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Chi phí phải trả khác	161.210.000	265.305.000
+ <i>Chi phí trả thường xổ số phải trả</i>	<i>161.210.000</i>	<i>265.305.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>161.210.000</u></b>	<b><u>265.305.000</u></b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Kinh phí công đoàn	152.430.457	13.831.170
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	433.331.195	717.446.791
+ <i>Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thủ đô</i>	<i>296.316.995</i>	<i>374.656.591</i>
+ <i>Phải trả hoa hồng đại lý</i>	<i>137.014.200</i>	<i>277.910.200</i>
+ <i>Phải trả CBNV tiền ăn trưa, công tác phí</i>		<i>64.880.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>585.761.652</u></b>	<b><u>731.277.961</u></b>

**13. Phải trả dài hạn khác**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.307.077.100	1.276.838.200
<b>Cộng</b>	<b><u>1.307.077.100</u></b>	<b><u>1.276.838.200</u></b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (trang 21)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Vốn góp của Nhà nước	29.113.926.075	27.423.118.371
- Vốn góp của các đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>29.113.926.075</u></b>	<b><u>27.423.118.371</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.423.118.371	27.423.118.371
+ Vốn góp tăng trong năm	1.690.807.704	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	29.113.926.075	27.423.118.371

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Quỹ đầu tư phát triển		1.690.807.704
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>27.423.118.371</b>	<b>886.073.925</b>	<b>1.690.807.704</b>	<b>2.069.761.861</b>	<b>32.069.761.861</b>
Tăng vốn trong năm nay					
Tăng khác (i)	1.690.807.704				1.690.807.704
Lãi trong năm nay				416.792.529	416.792.529
Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác (ii)			(1.690.807.704)	(100.000.000)	(1.790.807.704)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>29.113.926.075</b>	<b>886.073.925</b>		<b>2.386.554.390</b>	<b>32.386.554.390</b>

(i) Tăng khác do Công ty bổ sung Vốn đầu tư bằng Quỹ đầu tư phát triển. Căn cứ theo phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán được quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

(ii): Giảm khác do Tạm trích quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng	47.118.643.638	45.156.681.821
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	132.111.900	245.309.699
<b>Cộng</b>	<b>47.250.755.538</b>	<b>45.401.991.520</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Thuế TTĐB	6.145.910.039	5.890.001.978
<b>Cộng</b>	<b>6.145.910.039</b>	<b>5.890.001.978</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng	40.972.733.599	39.266.679.843
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	132.111.900	245.309.699
<b>Cộng</b>	<b>41.104.845.499</b>	<b>39.511.989.542</b>
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>		
- Chi phí kinh doanh xổ số	36.835.783.907	36.050.779.098
+ Chi phí trả thưởng	25.663.496.058	25.828.882.929
+ Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.172.287.849	10.221.896.169
- Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	6.300.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.842.083.907</b>	<b>36.060.779.098</b>
<b>5. Doanh thu tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	994.901.429	869.871.154
<b>Cộng</b>	<b>994.901.429</b>	<b>869.871.154</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay "đối với các khoản ký quỹ ký cược đại lý"		11.100
<b>Cộng</b>		<b>11.100</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	104.198.133	80.758.655
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>104.198.133</b>	<b>80.758.655</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
- Chi phí về vé xổ số	414.921.441	401.948.593
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	8.276.803.792	7.422.296.121
- Chi phí trả thưởng	25.663.496.058	25.828.882.929
- Chi phí lương người quản lý công ty	990.000.000	963.000.000
- Chi phí lương người lao động	3.940.422.600	3.775.650.600
- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	684.605.038	668.224.160
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.604.052	356.353.200
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.673.497	362.444.910
- Chi phí khác bằng tiền	1.069.737.515	683.685.749
<b>Cộng</b>	<b>41.772.263.993</b>	<b>40.462.486.262</b>

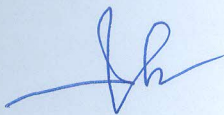
**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 do Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang lập và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Giám đốc



Phạm Hồng Sơn

Chủ tịch Công ty

Vũ Quốc Hoàn